TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/7/2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thân Bá Giang.
2. Ông Lương Thanh Văn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 - Có mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1996 - Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn (anh Nguyễn Văn Tuấn) trình bày: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu thỏa thuận và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới chị Th về nhà anh T làm dâu ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Th phát sinh tình cảm với người đàn ông khác và bỏ nhà đi. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng không thành. Từ khi chị Th bỏ đi đến nay anh T có liêc lạc được với chị Th thời gian đầu, về sau không liên lạc được nữa, không biết chị Th ở đâu và làm gì. Nay anh

T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T đề nghị được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh T xác định không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị Th: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo, niêm yết về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho chị Th và nhiều lần triệu tập đến Tòa án để làm việc, hòa giải nhưng chị Th không đến và vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị Th thì được bà Trương Thị S là mẹ đẻ chị Th cho biết từ sau khi kết hôn với anh T chị Th không về nhà mẹ đẻ sinh sống, nay anh T có đơn xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Th vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56- Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273, khoản 3 Điều 228- Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Th. Anh T phải chịu án ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Chị Nguyễn Thị Th đã được Tòa án niêm yết đầy đủ, triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị Th theo quy định tại khoản 3 Điều 228- BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2018 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh T thấy: Sau khi kết hôn anh T và chị Th chung sống cùng gia đình anh T. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh T là chị Th có tình cảm với người khác và bỏ nhà đi từ giữa năm 2018 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Th lên làm việc nhưng chị Th vắng mặt. Xác minh tại địa phương và quê mẹ đẻ của chị Th thì được biết hiện tại chị Th không có mặt tại địa phương và cũng không về nhà mẹ đẻ sinh sống. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng để chị Th nắm được thông tin về việc anh T có đơn xin ly hôn. Bản thân anh T xác định chị Th có biết về việc anh T có đơn ly hôn, đã viết giấy xác nhận nhận đơn khởi kiện cho anh T để nộp cho Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì anh T nhiều lần liên lạc với chị Th yêu cầu chị Th đến Tòa án làm việc nhưng chị Th không đến, nói anh T giải quyết vắng mặt. Về sau chị Th cắt đứt hoàn toàn mọi liên lạc với anh T. Tuy chị Th không đến Tòa án làm việc, Tòa án không lấy được lời khai của chị Th nhưng thực tế chứng minh chị Th và anh T có mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng anh T chị Th kết hôn và chung sống với nhau một thời gian ngắn, chị Th tự ý bỏ đi vợ chồng sống ly thân gần 01 năm nay. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Vì vậy cần xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Th là phù hợp pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, công sức, công nợ ruộng đất: Anh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

-Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

-Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 05215 ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. (Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí).

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND huyện Việt Yên;
-CCTHADS huyện Việt Yên;
-UBND xã T
-Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Văn Hợp